

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ
(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012**



MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 27



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Ngọc Thắng	Chủ tịch
Ông Trần Minh Hoàng	Ủy viên
Ông Phạm Quang Huy	Ủy viên
Ông Nguyễn Việt Hà	Ủy viên
Ông Đoàn Thành Nhân	Ủy viên
Ông Nguyễn Sinh Dũng Thắng	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 27/4/2012)
Ông Hiroshi Kobayashi	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 27/4/2012)
Ông Shigeru Tsuru	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 27/4/2012)

Ban Giám đốc

Ông Phạm Quang Huy	Giám đốc
Ông Trần Hùng Dũng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Hưng	Phó Giám đốc
Bà Hoàng Hải Anh	Phó Giám đốc
Ông Trần Xuân Nam	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 16/02/2012)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,


Phạm Quang Huy
Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2013

Số: 72 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 3 năm 2013 từ trang 4 đến trang 27. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Ngoại trừ các vấn đề hạn chế phạm vi kiểm toán được trình bày sau đây, chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Như trình bày tại Thuyết minh số 5 - Đầu tư tài chính ngắn hạn, phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, căn cứ báo giá của ba (3) công ty chứng khoán, Công ty đã không trích lập dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết (OTC) với tổng giá trị khoản đầu tư là 274.128.956.438 đồng và các khoản ủy thác đầu tư cổ phiếu OTC với giá trị đầu tư là 64.501.000.000 đồng. Chúng tôi không thể xác định được mức độ hợp lý của các báo giá về giá trị thị trường của các cổ phiếu chưa niêm yết của Công ty để xác định dự phòng giảm giá khoản đầu tư ngắn hạn. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về các khoản dự phòng giảm giá các khoản đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết (OTC) của Công ty và ảnh hưởng (nếu có) tới các khoản mục khác có liên quan trên báo cáo tài chính.

Như trình bày tại Thuyết minh số 8 - Các khoản phải thu khác, phần Thuyết minh báo cáo tài chính, trong năm 2011, Công ty đã ghi nhận doanh thu và khoản phải thu cổ tức năm 2011 từ một khoản đầu tư với số tiền 11.006.414.000 đồng trên cơ sở Hội đồng Quản trị của đơn vị nhận đầu tư đã đồng ý chủ trương tạm ứng 10% cổ tức năm 2011 cho Công ty. Tuy nhiên, Đại hội đồng cổ đông của Công ty nhận đầu tư chính thức công bố cho các cổ đông về việc chia cổ tức cho các cổ đông vào tháng 5 năm 2012. Nếu ghi nhận doanh thu tại thời điểm Công ty chính thức có quyền được nhận cổ tức, doanh thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ tăng 11.006.414.000 đồng và doanh thu năm 2011 cũng như khoản phải thu khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 sẽ giảm đi với số tiền tương ứng.

Ý kiến ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề trình bày ở trên, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Mặc dù không đưa thêm ý kiến ngoại trừ, chúng tôi xin lưu ý tới vấn đề sau:

Như trình bày tại Thuyết minh số 6 - Phải thu khách hàng, phần Thuyết minh báo cáo tài chính, số dư các khoản phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm 56.191.530.418 đồng phải thu một nhóm đầu tư tại thành phố Hồ Chí Minh theo các hợp đồng hợp tác đầu tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, nhà đầu tư đã sử dụng giá trị các cổ phiếu sở hữu, tiền mặt và các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thành phố Hồ Chí Minh (Công ty đã ký hợp đồng với một công ty thẩm định giá độc lập để định giá các quyền sử dụng đất này) và một số tài sản khác với tổng giá trị 63.966.819.686 đồng để đảm bảo cho khả năng thanh toán cho số dư nợ này. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng, giá trị quyền sử dụng đất nêu trên đã được định giá phù hợp với giá thị trường và tài sản bảo đảm có tính thanh khoản cao, Công ty có thể kiểm soát và thanh lý tài sản để thu hồi nợ và giá trị có thể thu hồi đủ để bù đắp số dư các khoản phải thu có liên quan. Do đó, Công ty không trích lập dự phòng phải thu đối với các khoản phải thu này. Tuy nhiên, chúng tôi xin lưu ý khả năng thu hồi khoản phải thu nêu trên sẽ phụ thuộc vào tình hình tài chính, khả năng thanh toán của nhà đầu tư cũng như khả năng xử lý tài sản đảm bảo của nhà đầu tư và Công ty.



Trần Thị Thủy Ngọc
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0031/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 20 tháng 3 năm 2013
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Đặng Văn Khải
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0758/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B 01-CTCK

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		802.661.885.151	933.890.018.571
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	168.985.538.501	200.680.087.112
1. Tiền	111		158.285.538.501	200.180.087.112
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.700.000.000	500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	511.260.633.004	602.739.670.140
1. Đầu tư ngắn hạn	121		516.498.404.117	632.255.176.819
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(5.237.771.113)	(29.515.506.679)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		113.966.555.870	122.161.795.152
1. Phải thu khách hàng	131	6	98.372.752.696	86.880.260.155
2. Trả trước cho người bán	132		1.227.671.350	306.684.239
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	7	890.000	5.025.795.699
4. Các khoản phải thu khác	138	8	14.365.241.824	67.993.089.882
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	(38.044.034.823)
IV. Hàng tồn kho	140		4.246.817.695	588.983.722
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.202.340.081	7.719.482.445
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		618.186.740	1.287.366.440
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	38.253.693
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		85.580.739	85.580.739
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		3.498.572.602	6.308.281.573
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		207.492.382.610	217.875.293.736
I. Tài sản cố định	220		15.976.965.777	24.651.424.153
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	9.777.039.387	14.696.653.042
- Nguyên giá	222		26.492.175.906	26.699.662.231
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.715.136.519)	(12.003.009.189)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	6.199.926.390	9.434.727.325
- Nguyên giá	228		13.397.498.795	13.397.498.795
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.197.572.405)	(3.962.771.470)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	520.043.786
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	180.638.774.480	180.646.453.460
1. Đầu tư dài hạn khác	258		180.638.774.480	180.646.453.460
III. Tài sản dài hạn khác	260		10.876.642.353	12.577.416.123
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.692.551.909	4.692.464.724
2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263		3.875.376.044	2.974.680.844
3. Tài sản dài hạn khác	268		4.308.714.400	4.910.270.555
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.010.154.267.761	1.151.765.312.307

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-CTCK
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		418.369.164.603	560.797.140.773
I. Nợ ngắn hạn	310		418.358.691.861	560.786.668.031
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	25.000.000.000
2. Phải trả người bán	312		383.556.199	190.761.466
3. Người mua trả tiền trước	313		377.901.099	278.307.688
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	556.319.433	633.342.698
5. Phải trả người lao động	315		3.259.647.280	3.159.024.692
6. Chi phí phải trả	316		6.786.778.191	21.394.230.629
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	262.096.651.698	368.286.079.430
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		127.668.866.538	129.792.780.721
9. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		17.136.775.974	11.607.843.066
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(285.687.077)	(6.837.077)
11. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		377.882.526	451.134.718
II. Nợ dài hạn	330		10.472.742	10.472.742
1. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359		10.472.742	10.472.742
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		591.785.103.158	590.968.171.534
I. Vốn chủ sở hữu	410		591.785.103.158	590.968.171.534
1. Vốn điều lệ	411	14	598.413.000.000	598.413.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	14	67.439.970.360	67.439.970.360
3. Quỹ dự phòng tài chính	418	14	6.740.232.026	6.740.232.026
4. Lỗ lũy kế	420	14	(80.808.099.228)	(81.625.030.852)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.010.154.267.761	1.151.765.312.307

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-CTCK
Đơn vị: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Mã số	31/12/2012	31/12/2011
1. Chứng khoán lưu ký	006	3.508.690.980.000	5.409.524.260.000
1.1. Chứng khoán giao dịch	007	3.127.084.020.000	4.769.656.310.000
1.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	21.762.110.000	41.720.290.000
1.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	3.085.122.270.000	4.727.743.620.000
1.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	20.199.640.000	192.400.000
1.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	302.471.560.000	383.797.950.000
1.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	213.308.560.000	294.634.950.000
1.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	015	89.163.000.000	89.163.000.000
1.3. Chứng khoán cầm cố	017	13.859.980.000	88.000.000.000
1.3.1. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	13.859.980.000	88.000.000.000
1.4. Chứng khoán chờ thanh toán	027	21.751.600.000	25.746.400.000
1.4.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	1.013.900.000	106.000.000
1.4.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	20.737.700.000	25.640.400.000
1.5. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	032	28.500.000.000	102.000.000.000
1.5.1. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	034	28.500.000.000	102.000.000.000
1.6. Chứng khoán chờ giao dịch	037	15.023.820.000	40.323.600.000
1.6.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	-	20.000
1.6.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	15.023.820.000	20.323.580.000
1.6.3. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	040	-	20.000.000.000
2. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050	290.722.240.000	607.873.370.000



Nguyễn Nguyệt Minh
Người lập



Trần Ngọc Đốc
Kế toán trưởng




Phạm Quang Huy
Giám đốc

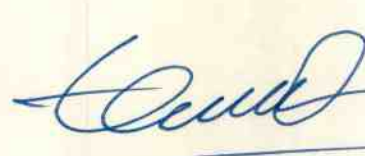
Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 02-CTCK
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	01		125.891.021.061	176.416.526.183
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		11.489.240.169	12.258.611.557
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		30.002.595.622	45.128.619.481
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		15.554.028.951	18.348.884.181
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		2.527.147.044	4.619.334.794
Doanh thu khác	01.9	15	66.318.009.275	96.061.076.170
2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		125.891.021.061	176.416.526.183
3. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	16	114.919.460.005	150.646.450.295
4. Lãi gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		10.971.561.056	25.770.075.888
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	17	10.152.160.318	118.968.305.559
6. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		819.400.738	(93.198.229.671)
7. Thu nhập khác	31		193.469.097	186.862.760
8. Chi phí khác	32		195.938.211	196.643.634
9. Lỗ khác (40=31-32)	40		(2.469.114)	(9.780.874)
10. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		816.931.624	(93.208.010.545)
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	48.832.402
12. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		816.931.624	(93.256.842.947)
13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		14	-


Nguyễn Nguyệt Minh
Người lập


Trần Ngọc Đức
Kế toán trưởng


Phạm Quang Huy
Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B 03-CTCK
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lãi/(Lỗ) trước thuế	01	816.931.624	(93.208.010.545)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	8.067.955.878	6.301.181.475
Các khoản dự phòng	03	(62.321.770.389)	42.341.242.391
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(33.126.041.519)	(44.345.500.476)
Chi phí lãi vay	06	221.562.500	326.250.000
3. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(86.341.361.906)	(88.584.837.155)
Thay đổi các khoản phải thu	09	36.920.643.455	142.485.690.616
Thay đổi hàng tồn kho	10	(3.657.833.973)	(137.082.122)
Thay đổi các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(117.529.777.584)	(570.185.084.782)
Thay đổi chi phí trả trước và tài sản ngắn hạn	12	121.273.827.881	(76.757.650.090)
Tiền lãi vay đã trả	13	(221.562.500)	(326.250.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(3.004.364.325)
Tiền thu/(chi) khác cho hoạt động kinh doanh	15	449.643.847	(3.992.508.976)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	<i>(49.106.420.780)</i>	<i>(600.502.086.834)</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(32.800.000)	(32.647.409.791)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	90.117.471
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	5.066.297.048
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	42.444.672.169	44.369.320.899
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<i>42.411.872.169</i>	<i>16.878.325.627</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	129.547.592.360
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	69.500.000.000	25.000.000.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(94.500.000.000)	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(39.768.863.920)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<i>(25.000.000.000)</i>	<i>114.778.728.440</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</i>	50	<i>(31.694.548.611)</i>	<i>(468.845.032.767)</i>
Tiền và tương đương tiền tồn đầu năm	60	200.680.087.112	669.525.119.879
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	168.985.538.501	200.680.087.112


Nguyễn Nguyệt Minh
Người lập


Trần Ngọc Đốc
Kế toán trưởng



Phạm Quang Huy
Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B 05-CTCK
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ/năm		Số tăng/ giảm				Số dư cuối kỳ/năm	
		01/01/2011	01/01/2012	Năm 2011		Năm 2012		31/12/2011	31/12/2012
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	14	509.250.000.000	598.413.000.000	89.163.000.000	-	-	-	598.413.000.000	598.413.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	14	27.055.378.000	67.439.970.360	40.384.592.360	-	-	-	67.439.970.360	67.439.970.360
Quỹ dự phòng tài chính	14	6.740.232.026	6.740.232.026	-	-	-	-	6.740.232.026	6.740.232.026
Lợi nhuận chưa phân phối/ (Lỗ lũy kế)	14	54.993.601.279	(81.625.030.852)	-	136.618.632.131	816.931.624	-	(81.625.030.852)	(80.808.099.228)
		598.039.211.305	590.968.171.534	129.547.592.360	136.618.632.131	816.931.624	-	590.968.171.534	591.785.103.158



Nguyễn Nguyệt Minh
Người lập



Trần Ngọc Đốc
Kế toán trưởng



Phạm Quang Huy
Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cùng với các cổ đông chiến lược khác thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép kinh doanh số 0103014903 ngày 14 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 26/UBCK-GPHĐKD ngày 19 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với số vốn điều lệ ban đầu là 150.000.000.000 đồng. Ngày 18 tháng 02 năm 2011, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp Giấy phép điều chỉnh số 15/GPĐC-UBCK. Theo đó, vốn điều lệ đăng ký của Công ty là 598.413.000.000 đồng.

Ngày 21 tháng 7 năm 2010, cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 143 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 223 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán; tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Chế độ kế toán doanh nghiệp được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Tiền gửi ngân hàng bao gồm tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc ủy thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán là các khoản đặt cọc cho việc thực hiện các giao dịch xóa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn bao gồm chứng khoán thương mại và các khoản đầu tư ngắn hạn khác của Công ty. Đầu tư ngắn hạn khác chủ yếu bao gồm hình thức “hợp tác đầu tư, ủy thác quản lý danh mục đầu tư, ủy thác quản lý vốn” với nhà đầu tư. Theo đó lợi nhuận phân chia cho Công ty không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của nhà đầu tư; Công ty được hưởng lợi nhuận theo tỷ lệ cố định trên phần vốn hợp tác của mình, theo số ngày thực tế hợp tác.

Đầu tư ngắn hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư được Công ty vận dụng theo như hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Theo đó:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết, Công ty áp dụng giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng đối với chứng khoán niêm yết tại sàn HNX và giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng đối với chứng khoán niêm yết tại sàn HOSE.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư ngắn hạn (Tiếp theo)

- Đối với chứng khoán chưa niêm yết, dự phòng giảm giá cho các chứng khoán được thực hiện trên cơ sở đánh giá của Ban Giám đốc về giá trị suy giảm của các cổ phiếu, dựa trên việc tham khảo báo giá của 3 công ty chứng khoán khác do Công ty thu thập bao gồm: Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sao Việt và Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Quân đội - Chi nhánh Hà Nội.
- Đối với hoạt động hợp tác đầu tư, dự phòng giảm giá được thực hiện trên cơ sở đánh giá của Ban Giám đốc đối với từng hợp đồng hợp tác đầu tư phù hợp với điều kiện thị trường chứng khoán tại thời điểm trích lập dự phòng.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán của Công ty.

Giá gốc của các khoản đầu tư xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phải thu khách hàng

Phải thu khách hàng bao gồm phải thu phí cung cấp dịch vụ môi giới, tư vấn cho nhà đầu tư, lãi dự thu về dịch vụ tài chính, và các khoản phải thu về dịch vụ khác.

Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được trích lập nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009. Dự phòng được xác định trên cơ sở chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của doanh nghiệp so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà Công ty phải trả hộ cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền. Phải trả cổ tức cho cổ đông phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, lãi chia cho cổ đông, người góp vốn, bên góp vốn của công ty chứng khoán.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán phản ánh khoản tiền Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch môi giới chứng khoán và quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư.

Doanh thu

Hoạt động môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Doanh thu (Tiếp theo)***Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn*

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của công ty chứng khoán (được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán) và khoản thu lợi tức cổ phiếu, lãi trái phiếu, thu từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết (lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do Công ty nắm giữ; lãi đầu tư trái phiếu và lãi từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích).

Hoạt động bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành chứng khoán

Doanh thu hoạt động bảo lãnh phát hành và đại lý phát hành chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hoàn thành việc thông báo kết quả phát hành chứng khoán.

Hoạt động tư vấn

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Hoạt động lưu ký chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu.

Hoạt động ủy thác đầu giá

Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu.

Doanh thu khác

Doanh thu khác bao gồm doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng, lãi kỳ phiếu ngân hàng, lãi thu được từ hợp đồng bán chứng khoán, lãi thu được từ hoạt động giao dịch ký quỹ. Doanh thu khác được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Trong năm, mặc dù lợi nhuận tính thuế của Công ty âm, tuy nhiên, do không chắc chắn về lợi ích kinh tế trong tương lai thu được từ các khoản này cũng như các khoản chênh lệch tạm thời tính thuế thu nhập doanh nghiệp không trọng yếu nên Công ty không ghi nhận tài sản/công nợ thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền mặt	332.881.130	554.082.600
Tiền gửi ngân hàng	152.062.690.189	196.248.555.342
<i>Trong đó: Tiền gửi của Nhà đầu tư</i>	<i>130.782.204.629</i>	<i>139.306.121.934</i>
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	5.889.967.182	3.377.449.170
<i>Trong đó: Tiền gửi của Nhà đầu tư</i>	<i>4.807.198.946</i>	<i>1.132.510.002</i>
Các khoản tương đương tiền	10.700.000.000	500.000.000
	168.985.538.501	200.680.087.112

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Chứng khoán kinh doanh		
Cổ phiếu chưa niêm yết - giao dịch phi tập trung (i)	277.131.015.733	281.597.277.188
Cổ phiếu niêm yết	30.322.344.678	59.140.900.613
	307.453.360.411	340.738.177.801
Đầu tư ngắn hạn khác		
Hợp tác đầu tư, ủy thác quản lý vốn, ủy thác quản lý danh mục đầu tư (ii)	95.545.663.526	204.560.420.788
Hợp đồng mua chứng khoán có kỳ hạn	17.097.077.838	7.784.955.000
Giao dịch ký quỹ chứng khoán (iii)	96.402.302.342	79.171.623.230
	209.045.043.706	291.516.999.018
Trừ: Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		
Dự phòng chứng khoán chưa niêm yết	(2.301.182.695)	-
Dự phòng chứng khoán niêm yết	(2.936.588.418)	(12.516.001.933)
Dự phòng hợp tác đầu tư	-	(16.999.504.746)
	(5.237.771.113)	(29.515.506.679)
Đầu tư tài chính ngắn hạn	511.260.633.004	602.739.670.140

- (i) Đối với các khoản đầu tư ngắn hạn cổ phiếu chưa niêm yết, tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và dựa trên cơ sở thu thập báo giá của 3 công ty chứng khoán (trình bày tại Thuyết minh số 3) và tin tưởng rằng Công ty không phải trích lập dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư này ngoài khoản dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn của một cổ phiếu với số tiền là 2.300.000.000 đồng.
- (ii) Trong tổng số dư hợp tác đầu tư, ủy thác quản lý vốn và ủy thác quản lý danh mục đầu tư nêu trên báo cáo gồm:
- Khoảng 65,4 tỷ đồng là giá trị chứng khoán OTC được Công ty ủy thác đầu tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và dựa trên cơ sở thu thập báo giá của 3 công ty chứng khoán và khẳng định Công ty không phải trích lập dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư này.
 - Khoảng 30,1 tỷ đồng là giá trị các hợp đồng ủy thác quản lý vốn và hợp đồng hợp tác đầu tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã đánh giá và không trích lập dự phòng các hợp đồng này.
- (iii) Giao dịch ký quỹ chứng khoán phản ánh số tiền Công ty đã cấp cho nhà đầu tư thông qua dịch vụ và tài khoản ký quỹ. Công ty kiểm soát rủi ro hoạt động này thông qua việc quản lý số lượng và giá trị chứng khoán tại từng thời điểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (Tiếp theo)

Chi tiết dự phòng các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

Chỉ tiêu	Giá trị theo sổ kế toán		Giảm giá so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	31/12/2012	01/01/2012	31/12/2012	01/01/2012	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	30.322.344.678	78.658.726.613	2.936.588.418	21.563.741.933	27.385.756.260	57.094.984.680
Đầu tư trực tiếp	30.322.344.678	59.140.900.613	2.936.588.418	12.516.001.933	27.385.756.260	46.624.898.680
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	19.045.215	5.064.779.315	2.319.615	1.382.108.115	16.725.600	3.682.671.200
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Nghệ An	-	5.042.910.700	-	3.759.660.700	-	1.283.250.000
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	15.371.284.920	48.571.512.510	965.534.920	7.275.828.510	14.405.750.000	41.295.684.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	228.320	222.424.390	87.320	15.748.390	141.000	206.676.000
Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và lắp máy dầu khí	1.615.770.000	-	352.200.000	-	1.263.570.000	-
Công ty Cổ phần Nhựa và môi trường xanh An Phát	13.093.399.000	-	1.545.559.000	-	11.547.840.000	-
Các cổ phiếu khác	222.617.223	239.273.698	70.887.563	82.656.218	151.729.660	156.617.480
Ủy thác đầu tư		19.517.826.000	-	9.047.740.000	-	10.470.086.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	-	14.748.180.000	-	9.047.740.000	-	5.700.440.000
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	-	4.769.646.000	-	-	-	4.769.646.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	277.130.640.733	281.597.277.188	2.301.182.695	-	274.829.458.038	281.597.277.188
Tổng cộng	307.452.985.411	360.256.003.801	5.237.771.113	21.563.741.933	302.215.214.298	338.692.261.868

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phí dịch vụ, cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư và tổ chức	22.181.788.670	14.039.284.991
Phải thu ủy thác quản lý vốn	11.572.836.726	8.352.095.231
Phải thu khác (*)	64.618.127.300	64.488.879.933
	98.372.752.696	86.880.260.155

(*) Số dư các khoản phải thu khác bao gồm 56.191.530.418 đồng phải thu một nhóm đầu tư tại thành phố Hồ Chí Minh theo các hợp đồng hợp tác đầu tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, nhà đầu tư đã sử dụng giá trị các cổ phiếu sở hữu, tiền mặt và các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thành phố Hồ Chí Minh (Công ty đã ký hợp đồng với một công ty thẩm định giá độc lập để định giá các quyền sử dụng đất nêu trên) và một số tài sản khác với tổng giá trị 63.966.819.686 đồng để đảm bảo cho khả năng thanh toán cho số dư nợ này. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng, giá trị quyền sử dụng đất nêu trên đã được định giá phù hợp với giá thị trường, tài sản bảo đảm có tính thanh khoản cao, Công ty có thể kiểm soát và thanh lý tài sản để thu hồi nợ và giá trị có thể thu hồi đủ để bù đắp số dư các khoản phải thu có liên quan. Do đó, Công ty không trích lập dự phòng phải thu đối với các khoản phải thu này.

7. PHẢI THU HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải thu tổ chức phát hành, bảo lãnh phát hành chứng khoán	890.000	5.025.795.699
	890.000	5.025.795.699

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Cổ tức và tiền lãi tiền gửi (*)	3.448.834.350	12.767.465.600
Phải thu giao dịch hợp đồng hợp tác đầu tư	-	47.446.084.010
Thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	-	4.119.001.816
Phải thu mua chứng khoán tự doanh 3 ngày cuối năm	1.301.466.700	-
Phải thu do chi hộ đối tác	1.254.747.365	-
Phải thu khác	8.360.193.409	3.660.538.456
	14.365.241.824	67.993.089.882

(*) Khoản phải thu cổ tức và lãi tiền gửi tại ngày 31/12/2011 bao gồm 11.006.414.000 đồng tương ứng với doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán ghi nhận trong năm 2011 trên cơ sở Hội đồng Quản trị của đơn vị nhận đầu tư đã đồng ý chủ trương tạm ứng 10% cổ tức năm 2011 cho Công ty. Đơn vị nhận đầu tư đã chính thức công bố với các cổ đông về việc chia cổ tức năm 2011 và thanh toán cổ tức trong tháng 5 năm 2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2012	22.952.874.731	3.746.787.500	26.699.662.231
Tăng trong năm	32.800.000	-	32.800.000
Thanh lý, nhượng bán	(240.286.325)	-	(240.286.325)
Tại ngày 31/12/2012	22.745.388.406	3.746.787.500	26.492.175.906
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2012	9.566.723.298	2.436.285.891	12.003.009.189
Khấu hao trong năm	4.365.638.406	467.516.537	4.833.154.943
Điều chỉnh	984.384.677	(984.384.677)	-
Thanh lý, nhượng bán	(121.027.613)	-	(121.027.613)
Tại ngày 31/12/2012	14.795.718.768	1.919.417.751	16.715.136.519
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2012	7.949.669.638	1.827.369.749	9.777.039.387
Tại ngày 31/12/2011	13.386.151.433	1.310.501.609	14.696.653.042

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm ứng dụng VND	Khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2012	13.097.498.795	300.000.000	13.397.498.795
Tại ngày 31/12/2012	13.097.498.795	300.000.000	13.397.498.795
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2012	3.837.448.890	125.322.580	3.962.771.470
Khấu hao trong năm	3.174.800.935	60.000.000	3.234.800.935
Điều chỉnh khác	37.258.064	(37.258.064)	-
Tại ngày 31/12/2012	7.049.507.889	148.064.516	7.197.572.405
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2012	6.047.990.906	151.935.484	6.199.926.390
Tại ngày 31/12/2011	9.260.049.905	174.677.420	9.434.727.325

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn phản ánh số dư các khoản vốn góp của Công ty vào Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (PET) với mục đích nắm giữ dài hạn. Trong năm 2012, công ty nhận đầu tư hoạt động kinh doanh có lãi, theo đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã thực hiện đánh giá và quyết định không phải trích lập dự phòng giảm giá đối với các khoản đầu tư này.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	102.019.391	82.709.222
Thuế thu nhập cá nhân	454.300.042	550.633.476
	556.319.433	633.342.698

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Nhận đặt cọc từ các tổ chức tài chính (*)	250.000.000.000	350.000.000.000
Phải trả tiền mua chứng khoán tự doanh	-	618.300.300
Phải trả Sở Giao dịch thanh toán bù trừ 3 ngày cuối năm	9.180.731.000	10.049.920.000
Phải trả, phải nộp khác	2.915.920.698	7.617.859.130
	262.096.651.698	368.286.079.430

(*) Công ty ký hợp đồng cung cấp dịch vụ thu gom trái phiếu với các Tổ chức tài chính, theo đó các Tổ chức tài chính thực hiện đặt cọc theo hợp đồng. Trong trường hợp Công ty không thu gom được, Công ty phải trả các tổ chức tài chính khoản lãi của số tiền đặt cọc với lãi suất quy định tại từng Phụ lục Hợp đồng cho từng đợt giải ngân.

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lỗ lũy kế VND	Tổng VND
01/01/2011	509.250.000.000	27.055.378.000	6.740.232.026	54.993.601.279	598.039.211.305
Góp vốn trong năm	89.163.000.000	40.384.592.360	-	-	129.547.592.360
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	(93.256.842.947)	(93.256.842.947)
Chia cổ tức	-	-	-	(39.768.863.920)	(39.768.863.920)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(2.692.925.264)	(2.692.925.264)
Chi thường ban điều hành năm 2010	-	-	-	(900.000.000)	(900.000.000)
01/01/2012	598.413.000.000	67.439.970.360	6.740.232.026	(81.625.030.852)	590.968.171.534
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	816.931.624	816.931.624
31/12/2012	598.413.000.000	67.439.970.360	6.740.232.026	(80.808.099.228)	591.785.103.158

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

	31/12/2012	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	59.841.300	598.413.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	59.841.300	598.413.000.000
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	59.841.300	598.413.000.000
Biến động số cổ phần trong năm như sau:	Từ 01/01/2012 đến 31/12/2012	
	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	59.841.300	598.413.000.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	-	-
Số dư cuối năm	59.841.300	598.413.000.000

15. DOANH THU KHÁC

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu hoạt động mua bán chứng khoán	1.754.019.475	8.117.493.239
Doanh thu lãi tiền gửi	15.203.285.017	44.279.203.428
Doanh thu ủy thác quản lý danh mục đầu tư, hợp tác đầu tư, ủy thác quản lý vốn (*)	29.471.202.273	41.549.080.849
Doanh thu giao dịch ký quỹ chứng khoán	14.658.519.918	-
Doanh thu khác	5.230.982.592	2.115.298.654
	66.318.009.275	96.061.076.170

(*) Phản ánh phần lãi Công ty thu được từ các hợp đồng ký với các tổ chức và cá nhân trong năm. Hoạt động ủy thác quản lý danh mục đầu tư Công ty chịu rủi ro và hoạt động hợp tác đầu tư, ủy thác quản lý vốn Công ty hưởng phí cố định không chịu rủi ro.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	8.396.273.818	9.643.729.991
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn (i)	59.677.467.815	30.621.760.674
Chi phí hoạt động tư vấn	5.817.187.288	3.833.255.310
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	2.676.189.511	4.444.273.535
(Hoàn nhập dự phòng)/Chi phí dự phòng (ii)	(24.277.755.267)	4.297.207.568
Chi phí khác (iii)	62.630.096.840	97.806.223.217
	114.919.460.005	150.646.450.295

- (i) Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán bao gồm 30.491.501.906 đồng từ việc xử lý khoản phải thu phát sinh từ hoạt động môi giới giao dịch chứng khoán tại Chi nhánh Hồ Chí Minh như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 dưới đây.
- (ii) Trong năm, Công ty đã thanh lý một số khoản đầu tư được trích lập dự phòng từ năm 2011, thực hiện ghi nhận lỗ hoạt động kinh doanh chứng khoán là chênh lệch giữa giá gốc và giá bán thực tế, đồng thời hoàn nhập các khoản dự phòng đã được trích lập trước đó.
- (iii) Chi phí khác chủ yếu là chi phí lãi phải trả cho các khoản tiền Công ty nhận ứng trước từ các đối tác để thu gom trái phiếu.

17. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	15.362.654.997	27.143.701.966
Chi phí vật liệu quản lý	46.102.916	158.439.226
Chi phí đồ dùng văn phòng	459.817.816	605.963.140
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.998.695.197	6.301.181.475
Thuế, phí và lệ phí	1.487.867.727	534.864.703
Chi phí dự phòng (*)	(38.044.034.823)	38.044.034.823
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	26.841.056.488	46.180.120.226
	10.152.160.318	118.968.305.559

- (*) Trong năm 2011, Công ty đã trích lập chi phí dự phòng 38.044.034.823 đồng cho một khoản phải thu phát sinh từ hoạt động môi giới giao dịch chứng khoán tại Chi nhánh Hồ Chí Minh. Trong tháng 4 năm 2012, Công ty đã thực hiện xử lý khoản phải thu này thông qua việc chuyển toàn bộ chứng khoán sang chứng khoán tự doanh theo giá thị trường, thực hiện ghi nhận lỗ hoạt động kinh doanh là 30.491.501.906 đồng (phản ánh tại Thuyết minh số 16 nêu trên), đồng thời hoàn nhập toàn bộ chi phí dự phòng cho phần dự phòng đã trích là 38.044.034.823 đồng. Ban Giám đốc đã đánh giá các rủi ro pháp lý liên quan và tin tưởng rằng các thủ tục thu hồi công nợ nói trên là khách quan, phù hợp với các quy định pháp lý hiện hành và quy chế tài chính của Công ty.

18. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Ngày 03 tháng 4 năm 2010, Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí tại thành phố Hồ Chí Minh đã ký Hợp đồng thuê nhà tại quận 1, thành phố Hồ Chí Minh với giá thuê 8.639 USD/tháng. Thời hạn thuê là 5 năm được tính từ ngày 01 tháng 5 năm 2010 đến hết ngày 30 tháng 4 năm 2015.

Ngày 10 tháng 02 năm 2010, Công ty đã ký hợp đồng thuê một phần tòa nhà tại số 18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội với Tổng Công ty Du lịch Hà Nội để làm trụ sở làm việc với giá thuê 39.425 USD/tháng. Thời hạn thuê là 5 năm kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2010 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. BÁO CÁO VỀ GIÁ TRỊ VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TRONG NĂM

CHỈ TIÊU	Năm 2012	
	Khối lượng giao dịch	Giá trị giao dịch (VND)
1. Chứng khoán tự doanh		
Cổ phiếu	10.554.655	135.774.294.900
Trái phiếu	500.000	56.700.000.000
2. Chứng khoán của nhà đầu tư		
Cổ phiếu	415.186.015	4.441.665.280.800
Trái phiếu	20.609.688	2.070.359.876.153
Chứng chỉ quỹ	2.179.060	13.525.683.000
	449.029.418	6.718.025.134.853

20. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi từ tiền đặt cọc theo hợp đồng dịch vụ môi giới mua gom trái phiếu		
- Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí Việt Nam	47.890.888.890	75.612.294.442
Doanh thu tư vấn		
- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	9.280.000.000	-
Thu nhập của Ban Giám đốc	1.746.640.484	1.586.862.891

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Các khoản phải thu		
- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	13.411.043.398	8.483.043.398
Các khoản phải trả		
- Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí Việt Nam (dư nợ gốc theo hợp đồng thu gom trái phiếu)	250.000.000.000	350.000.000.000
- Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí Việt Nam (lãi phải trả theo hợp đồng thu gom trái phiếu)	2.816.666.666	15.225.694.444

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Chỉ tiêu	Môi giới và dịch vụ khách hàng VND	Đầu tư chứng khoán, góp vốn VND	Dịch vụ tài chính và tiền gửi VND	Khác VND	Tổng cộng toàn Công ty VND
Năm 2012					
1. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	11.489.240.169	30.002.595.622	66.318.009.275	18.081.175.995	125.891.021.061
2. Các chi phí trực tiếp	(8.396.273.818)	(35.399.712.548)	(62.630.096.840)	(8.493.376.799)	(114.919.460.005)
3. Khấu hao và chi phí phân bổ	(3.045.648.095)	(101.521.603)	(1.928.910.460)	(5.076.080.159)	(10.152.160.318)
Lợi nhuận từ hoạt động KD trước thuế	47.318.256	(5.498.638.529)	1.759.001.975	4.511.719.037	819.400.738
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012					
1. Tài sản bộ phận trực tiếp	144.126.242.769	482.855.253.778	293.710.921.125	17.443.820.721	938.136.238.393
2. Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	72.018.029.368
Tổng Tài sản	144.126.242.769	482.855.253.778	293.710.921.125	17.443.820.721	1.010.154.267.761
1. Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	127.668.866.538	-	264.173.699.436	17.136.775.974	408.979.341.948
2. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	9.389.822.655
Tổng Nợ phải trả	127.668.866.538	-	264.173.699.436	17.136.775.974	418.369.164.603

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

Theo Hợp đồng thuê nhà số 5582/HĐTN ngày 25/10/2006 giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ký với Công ty Cổ phần Thương mại TD thuê tòa nhà số 20 Ngô Quyền và ủy quyền cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí quản lý để làm trụ sở làm việc với thời hạn thuê là 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Tiền thuê nhà là 20.000 USD/tháng. Theo hợp đồng thuê nhà, bên đi thuê có trách nhiệm bồi thường cho bên cho thuê với số tiền tương ứng với 1 năm tiền thuê nhà trong trường hợp bên đi thuê hủy hợp đồng thuê trước hạn. Công ty đã dừng thuê từ ngày 01 tháng 5 năm 2010 và bên cho thuê đã đồng ý việc Công ty chấm dứt hợp đồng trước hạn. Tại ngày báo cáo này, Công ty đang thương thảo với bên cho thuê về khoản tiền phạt nêu trên và đã trích trước tiền thuê nhà theo hợp đồng này đến tháng 12 năm 2010. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng, giá trị Công ty đã trích trước đủ để đảm bảo rủi ro về tiền bồi thường có thể phải trả cho bên cho thuê.

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ trừ lỗ lũy kế).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	168.985.538.501	200.680.087.112
Phải thu khách hàng và phải thu khác	112.738.884.520	122.161.795.152
Đầu tư ngắn hạn	511.260.633.004	602.739.670.140
Đầu tư dài hạn	180.638.774.480	180.646.453.460
Tổng cộng	973.623.830.505	1.106.228.005.864
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	-	25.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	407.296.323.151	509.877.464.683
Chi phí phải trả	6.786.778.191	21.394.230.629
Tổng cộng	414.083.101.342	556.271.695.312

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, tuy nhiên rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Công ty là không đáng kể.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết và các khoản nhận ứng trước của khách hàng để thu gom trái phiếu và các khoản tiền gửi của Công ty. Công ty quản lý rủi ro bằng việc phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để tối đa hóa lãi suất có lợi cho Công ty và nằm trong giới hạn quản lý rủi ro. Ban Giám đốc đánh giá rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

Rủi ro về giá

Các khoản đầu tư bao gồm các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết, hợp đồng hợp tác đầu tư của Công ty bị ảnh hưởng bởi các rủi ro do sự biến động của thị trường chứng khoán ảnh hưởng đến giá trị tương lai của các khoản đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư, đa dạng hóa danh mục đầu tư và các mức giới hạn cắt lỗ, cắt lỗ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, giá trị sổ sách của cổ phiếu niêm yết là 30.322.344.678 đồng. Nếu giá các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm khoảng 3.032.234.467 đồng và nếu tăng 10% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cũng sẽ tăng thêm với số tiền tương ứng.

Đối với cổ phiếu OTC, do không có giá giao dịch chính thức trên thị trường nên Công ty không phân tích phân tích độ nhạy của thay đổi giá.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Các rủi ro tín dụng chủ yếu từ các khoản phải thu và tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác của Công ty.

Đối với các khoản phải thu, Công ty thường xuyên theo dõi và đánh giá các khoản phải thu và lập dự phòng phải thu khó đòi kịp thời cho từng khách hàng (nếu có) khi lập báo cáo tài chính.

Đối với các khoản phải thu dịch vụ ký quỹ (margin), Công ty quản lý rủi ro thông qua việc kiểm soát số lượng và giá trị chứng khoán của nhà đầu tư tại bất kỳ thời điểm nào.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	168.985.538.501	-	168.985.538.501
Phải thu khách hàng và phải thu khác	112.738.884.520	-	112.738.884.520
Đầu tư ngắn hạn	511.260.633.004	-	511.260.633.004
Đầu tư dài hạn	-	180.638.774.480	180.638.774.480
Tổng cộng	792.985.056.025	180.638.774.480	973.623.830.505

31/12/2011			
Tiền và các khoản tương đương tiền	200.680.087.112	-	200.680.087.112
Phải thu khách hàng và phải thu khác	122.161.795.152	-	122.161.795.152
Đầu tư ngắn hạn	602.739.670.140	-	602.739.670.140
Đầu tư dài hạn	-	180.646.453.460	180.646.453.460
Tổng cộng	925.581.552.404	180.646.453.460	1.106.228.005.864

31/12/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	407.296.323.151	-	407.296.323.151
Chi phí phải trả	6.786.778.191	-	6.786.778.191
Tổng cộng	414.083.101.342	-	414.083.101.342

31/12/2011			
Các khoản vay	25.000.000.000	-	25.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	509.877.464.683	-	509.877.464.683
Chi phí phải trả	21.394.230.629	-	21.394.230.629
Tổng cộng	556.271.695.312	-	556.271.695.312

Tài sản đảm bảo

Công ty không cầm cố, thế chấp dưới bất kỳ hình thức nào cho các khoản nợ vào ngày lập báo cáo này.

Công ty đang nắm giữ các tài khoản chứng khoán, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tiền ký quỹ tại tài khoản tiền gửi để cầm cố cho các hợp đồng hợp tác đầu tư và hợp đồng giao dịch ký quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. SỐ LIỆU SO SÁNH

Là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.



Nguyễn Nguyệt Minh
Người lập



Trần Ngọc Đốc
Kế toán trưởng



Phạm Quang Huy
Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2013
